

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-02-2024  
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Tân.
- Ông Nguyễn Văn Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Trần Thanh M1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày:**

Vào năm 1994, chị M và anh M1 tự nguyện sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, chị M và anh M1 rất hạnh phúc nhưng đến nay giữa chị M và anh M1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị M và anh M1 đã không còn sống chung. Trong thời gian sống chung, chị M và anh M1 có một con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 21-9-1995, hiện tại cháu T đã

đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị Trần Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị M và anh M1 là vợ chồng.
- Về con chung: Cháu Trần Nhật T đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn anh Trần Thanh M1*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh M1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên không công nhận chị M và anh M1 là vợ chồng. Về con chung, cháu Trần Nhật T đã đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động bình thường và đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị M khởi kiện anh M1 để yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, nhưng không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh M1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, theo chị M trình bày: Vào năm 1994, chị M và anh M1 tự nguyện sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, chị M và anh M1 rất hạnh phúc nhưng đến nay giữa chị M và anh M1 phát

sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị M và anh M1 đã không còn sống chung. Đồi chiếu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 94/UBND-XNTTHN ngày 23-11-2023 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận chị M và anh M1 không có đăng ký kết hôn. Từ đó, có cơ sở xác định chị M và anh M1 sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Như vậy, chị M và anh M1 sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó, chị M yêu cầu không công nhận chị M và anh M1 là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, theo chị M trình bày: Trong thời gian sống chung, chị M và anh M1 có một con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 21-9-1995 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, anh M1 cũng không có văn bản nêu ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án anh M1 không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm, chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Tuyết M và anh Trần Thanh M1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Trần Nhật T, sinh ngày 21-9-1995 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có thể tự lao động bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trần Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Luân**